

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06/9/2021
“*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích.

2. Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 06/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/HNGĐ-ST ngày 23/6/2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐ-ST ngày 18/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Số nhà 72, đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Th, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Dương Thị Anh V, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

HKTT: Số nhà 72, đường Hoàng Văn Thụ, phường Hoàng Văn Th, thành phố B, tỉnh B.

Hiện lao động tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ cụ thể

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2021, nguyên đơn anh Trần Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 15/4/2014, anh và chị Dương Thị Anh V có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Th, thành phố B trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau, làm cho nhau nhiều áp lực nên hai vợ chồng anh đã sống ly thân.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn chị Dương Thị Anh V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 15/10/2014 và Trần Hoàng D, sinh ngày 02/11/2016.

Cả hai con chung hiện đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Trần Hoài A cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hoàng D cho chị Dương Thị Anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Đ còn trình bày: Do anh bận công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án.

Bị đơn chị Dương Thị Anh V hiện đang lao động tại Hàn Quốc, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 23/6/2021 và ngày 09/7/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc mẹ đẻ của chị Dương Thị Anh V là bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 310, đường Nguyễn Khuyến, phường Dĩnh K, thành phố B, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Nhtông báo cho chị V biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Trần Minh Đ và chị Dương Thị Anh V; yêu cầu chị V viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà Nhcung cấp địa chỉ cụ thể của chị Dương Thị Anh V ở Hàn Quốc. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc bà Nh vẫn giữ nguyên quan điểm là chị V ở

Hàn Quốc vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình bà nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị V cho Tòa án vì đây là việc cá nhân của chị V, bà sẽ thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị V biết để chị V gửi lời khai về. Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2021, bà Nhcho biết, bà đã thông báo cho chị V để chị V gửi bản tự khai về. Về việc anh Đ xin ly hôn, chị V có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Anh V đồng ý ly hôn với anh Trần Minh Đ

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung:

1/ Trần Hoài A, sinh ngày 15/10/2014.

2/ Trần Hoàng D, sinh ngày 02/11/2016.

Khi ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án giao cháu Trần Hoài A cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hoàng D cho chị Dương Thị Anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V có quan điểm đồng ý với quan điểm của anh Đ.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị V gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Minh Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Dương Thị Anh V vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử đã công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đ, Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị V là bà Dương Thị Anh V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh B phát biểu:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử: anh Trần Minh Đ được ly hôn chị Dương Thị Anh V;

Về con chung: Giao cháu Trần Hoài A, sinh ngày 15/10/2014 cho anh Trần Minh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Trần Hoàng D, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Dương Thị Anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Trần Minh Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Minh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị Dương Thị Anh V là bà Nguyễn Thị Nh để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Nhhông báo cho chị V biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Trần Minh Đ và chị Dương Thị Anh V; yêu cầu chị V viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà Nhhung cấp địa chỉ cụ thể của chị V ở Hàn Quốc. Bà Nhhình bày chị V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ 2 mà bà Nhh vẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn chị Dương Thị Anh V cho Tòa án. Bà Nhhình bày bà đã thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị V biết để chị V gửi lời khai về cho Tòa án. Nhưng kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị V gửi về. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy Tòa án căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn chị Dương Thị Anh V theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Trần Minh Đ là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Dương Thị Anh V, chị V hiện đang lao động tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị V tại Việt Nam (theo Công văn số 15672/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin XNC ngày 13/7/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an), thì chị Dương Thị Anh V, đã xuất nhập cảnh 35 lần,

lần xuất cảnh gần nhất là ngày 20/3/2020, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Đồng. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 15/4/2014, anh và chị Dương Thị Anh V có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Th, thành phố B trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Đ trình bày: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau, làm cho nhau nhiều áp lực nên hai vợ chồng anh đã sống ly thân.

Qua xác minh địa phương thì thấy: Về tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị V địa phương không nắm được do anh Đ và chị V không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải. Nay anh Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn chị V, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị V.

[4] Về con chung: Anh Trần Minh Đ và chị Dương Thị Anh V có 02 con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 15/10/2014 và Trần Hoàng D, sinh ngày 02/11/2016

Khi ly hôn, anh Trần Minh Đ đề nghị Tòa án giao cháu Trần Hoài A cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hoàng D cho chị Dương Thị Anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu của anh Trần Minh Đ là chính đáng. Mặc dù, hiện nay chị V đang ở nước ngoài nhưng qua xác minh với bà Nguyễn Thị Nh là mẹ đẻ chị Dương Thị Anh V thì chị V có quan điểm đồng ý với yêu cầu của anh Đ, bà Nhcũng đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D trong thời gian chị V ở nước ngoài. Do đó, cần giao cháu Trần Hoài A, sinh ngày 15/10/2014 cho anh Trần Minh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hoàng D,

sinh ngày 02/11/2016 cho chị Dương Thị Anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Trần Minh Đ, chị Dương Thị Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Trần Minh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh Đ được ly hôn chị Dương Thị Anh V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoài A, sinh ngày 15/10/2014 cho anh Trần Minh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hoàng D, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Dương Thị Anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh Trần Minh Đ, chị Dương Thị Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Minh Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm

ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000065 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ.

3. Anh Trần Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

4. Chị Dương Thị Anh V hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND phường Hoàng Văn Th, thành phố B;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Lê Thị Minh Khánh

Trần Thị Hà

Noinhân:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Liễu;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thân Quốc Hùng